TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hươn.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 766/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1974 (có mặt)

Thường trú: Tổ A, khu B, xã LĐ, H. LT, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: số A, tổ B, khu C, xã LĐ, H. LT, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị T, sinh năm 1975 (có mặt)

Thường trú: Tổ A, khu B, xã LĐ, H. LT, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Ấp A, xã AP, huyện LT, Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2017, các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Anh và chị T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1998 và được UBND xã AP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71/1998 quyển số 01/1998 ngày 22/01/1998. Trong quá trình chung sống đến năm 2002, anh chị có xảy ra mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, đến năm 2010 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn thường xuyên, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm

sống, tính cách không còn phù hợp, không tôn trọng nhau, chị T nhiều lần có những lời lẽ xúc phạm mẹ chồng, tham gia cờ bạc, anh có khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị T vẫn không từ bỏ nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Năm 2012, vợ chồng thỏa thuận ly hôn nhưng sau khi đến Tòa nộp đơn chị T hứa khắc phục và vợ chồng về chung sống nhưng không hạnh phúc. Hiện anh và chị T sống ly thân từ tháng 3/2017 đến nay không bàn bạc đoàn tụ. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống, anh yêu cầu được ly hôn chị T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 01/9/1998 và Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày 15/5/2004. Cháu K đã trưởng thành và có khả năng lao động. Còn cháu V đang sinh sống cùng anh, ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu V, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Tại bản tự khai ngày 09/11/2017, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị và anh C tự tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn như anh C trình bày là đúng. Thời gian chung sống chị và anh C có mâu thuẫn về tiền bạc và bất đồng về quan điểm sống, trong thời gian trước đây khi mâu thuẫn, anh C còn đánh chị gây thương tích khi chị đang có thai cháu V. Năm 2012, vợ chồng có ý định ly hôn nhưng vì không muốn gia đình đỗ vỡ nên anh chị không nộp đơn ly hôn và bàn bạc đoàn tụ. Anh C cho rằng chị cờ bạc là không có, chị và anh C mới ly thân từ tháng 7/2017 đến nay. Chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không có gì trầm trọng, chị không muốn gia đình đổ vỡ, mặt khác chị và anh C chưa giải quyết xong về tài sản nên anh C yêu cầu ly hôn chị không đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 01/9/1998 và Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày 15/5/2004. Cháu K đã trưởng thành. Hiện cháu V đang sống với anh C.

Nếu ly hôn, anh C yêu cầu được nuôi cháu V chị không đồng ý, chị yêu cầu giao cháy V cho chị nuôi dưỡng vì cháu V là bé gái cần có sự chăm sóc của mẹ, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con để anh C tự nguyện.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo khách quan, toàn diện và dân chủ trong tranh tụng. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu

thuẫn và sống ly thân từ tháng 3/2017 đến nay không bàn bạc đoàn tụ. Anh C yêu cầu được ly hôn chị T, chị T không đồng ý nhưng mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng nên đề nghị hội đồng xét xử xử cho anh C ly hôn chị T.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 01/9/1998 và Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày 15/5/2004. Cháu K đã trưởng thành. Hiện cháu V đang sống với anh C. Theo lời khai cháu V, thì cháu không lựa chọn sống với ba hay mẹ nếu ba mẹ ly hôn. Tuy nhiên xét cháu V là con gái, xét về lứa tuổi của cháu cần có sự chăm sóc của mẹ để đảm bảo phát triển tâm sinh lý giới tính. Vì vậy, ly hôn đề nghị giao cháu V cho chị T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn C khởi kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con với bị đơn chị Lê Thị T cư trú tại tổ A, khu B, xã LĐ, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa anh C và chị T xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã AP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai vào năm 1998 đúng quy định pháp luật, theo giấy chứng nhận kết hôn số 71/1998 quyển số 01/1998 ngày 22/01/1998 nên là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai anh C và chị T vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng về sau do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, quan hệ mẹ chồng nàng dâu bất hòa nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và sống ly thân từ tháng 3/2017. Trong quá trình Tòa án hòa giải, chị T cũng đã thừa nhận không còn tình cảm với anh C nhưng vì không muốn đỗ vỡ gia đình nên không đồng ý ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh, chị không thỏa thuận bàn bạc đoàn tụ được và còn có những lời lẽ xúc phạm nhau. Do đó, xét quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, việc anh C yêu cầu được ly hôn chị T là hoàn toàn có cơ sở nên chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 01/9/1998 và Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày 15/5/2004. Đối với cháu K đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét. Đối với cháu V, xét cháu V là con gái cần được sự chăm sóc nuôi dưỡng từ người mẹ để cháu được phát triển tốt nhất về tâm sinh lý và thể chất. Mặt khác chị T cũng có việc làm ổn định đảm bảo được điều kiện nuôi cháu V. Vì vậy, giao cháu V cho chị T được quyền nuôi dưỡng và đảm bảo cho anh C được quyền thăm nom chăm sóc con theo luật định.

Về cấp dưỡng: Do các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét. Khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T không phải chịu án phí. Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn C đối với bị đơn chị Lê Thị T về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung". Xử cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Lê Thị T.

2/ Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 01/9/1998 và Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày 15/5/2004.

Xử giao con chung tên Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày 15/5/2004 cho chị Lê Thị T được quyền nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

Riêng cháu K đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ và có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Trừ trường hợp anh C lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của anh C.

Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 005036 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, anh C đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1),
- VKSND h. Long Thành (1),
- Chi cục THADS h. Long Thành (1),
- UBND xa LP (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2),
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Danh - **Nguyễn Hữu Trí** **Nguyễn Thị Thanh Hà**